

# Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6  
năm 2024



# Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	8 - 9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	12 - 41

# Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi ("Công ty") là một công ty cổ phần, được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước (Công ty Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi) theo Quyết định số 327/QĐ-EVN ngày 24 tháng 5 năm 2010 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam và chính thức hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần từ ngày 7 tháng 10 năm 2011. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần lần đầu số 5800452036 vào ngày 7 tháng 10 năm 2011 và các lần điều chỉnh sau đó, với lần gần nhất là lần thứ 10 vào ngày 7 tháng 7 năm 2022.

Theo Quyết định số 427/QĐ-SGDHN ngày 12 tháng 6 năm 2017 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Công ty bắt đầu đăng ký giao dịch cổ phiếu trên thị trường giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) với mã cổ phiếu là DNH.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh điện năng và các hoạt động kinh doanh khác theo Giấy Chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp.

Công ty có trụ sở chính tại 80A Trần Phú, phường Lộc Sơn, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Văn Quang	Chủ tịch
Ông Đặng Văn Cường	Thành viên
Ông Đỗ Minh Lộc	Thành viên

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Đinh Hải Ninh	Trưởng Ban
Ông Đặng Văn Minh	Thành viên
Ông Phạm Viết Kỳ	Thành viên

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đặng Văn Cường	Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Minh Lộc	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đình Chiến	Phó Tổng Giám đốc

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Đặng Văn Cường, Tổng Giám đốc.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.



# Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho từng giai đoạn phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty và công ty con có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty và công ty con sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và công ty con và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Đặng Văn Cường  
Tổng Giám đốc

Lâm Đồng, Việt Nam

Ngày 16 tháng 8 năm 2024

Số tham chiếu: 13682981/68434638/LR-HN

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi ("Công ty") và công ty con, được lập ngày 16 tháng 8 năm 2024 và được trình bày từ trang 5 đến trang 41, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### ***Kết luận của Kiểm toán viên***

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### **Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 đã được doanh nghiệp kiểm toán khác soát xét và đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đó vào ngày 15 tháng 8 năm 2023. Ngoài ra, báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được doanh nghiệp kiểm toán này kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính hợp nhất đó vào ngày 29 tháng 3 năm 2024.

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Nguyễn Mạnh Hùng  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2401-2023-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 16 tháng 8 năm 2024

SỐ  
C  
TRÁCH  
RN  
V  
VT-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>1.628.169.629.770</b>	<b>2.077.658.879.921</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>933.526.698.245</b>	<b>536.186.291.363</b>
111	1. Tiền		13.526.698.245	7.336.359.863
112	2. Các khoản tương đương tiền		920.000.000.000	528.849.931.500
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>70.000.000.000</b>	<b>70.000.000.000</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	<b>5</b>	70.000.000.000	70.000.000.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>604.445.668.300</b>	<b>1.428.124.971.078</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	<b>6</b>	585.946.359.109	1.180.980.900.187
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		5.097.153.657	4.562.967.122
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	<b>27</b>	-	200.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	<b>7</b>	15.634.452.893	44.601.317.464
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	<b>6</b>	(2.232.297.359)	(2.020.213.695)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>9</b>	<b>15.653.636.391</b>	<b>37.491.425.648</b>
141	1. Hàng tồn kho		15.653.636.391	37.491.425.648
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>4.543.626.834</b>	<b>5.856.191.832</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	<b>13</b>	4.543.626.834	606.363.869
153	2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		-	5.249.827.963

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>5.174.508.778.564</b>	<b>5.941.470.949.131</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>-</b>	<b>599.932.824.894</b>
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	27	-	599.932.824.894
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>4.834.903.232.979</b>	<b>4.933.484.262.836</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	4.834.537.771.923	4.932.820.455.298
222	Nguyên giá		15.476.052.856.833	15.381.420.021.833
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(10.641.515.084.910)	(10.448.599.566.535)
227	2. Tài sản cố định vô hình		365.461.056	663.807.538
228	Nguyên giá		2.335.628.057	2.335.628.057
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.970.167.001)	(1.671.820.519)
<b>240</b>	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>17.084.036.782</b>	<b>100.596.498.555</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	17.084.036.782	100.596.498.555
<b>250</b>	<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>12</b>	<b>213.687.710.589</b>	<b>211.131.850.077</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết		146.327.710.589	143.771.850.077
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		37.360.000.000	37.360.000.000
255	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		30.000.000.000	30.000.000.000
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>108.833.798.214</b>	<b>96.325.512.769</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	30.681.335.023	39.369.645.676
263	2. Thiết bị vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		78.152.463.191	56.955.867.093
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>6.802.678.408.334</b>	<b>8.019.129.829.052</b>



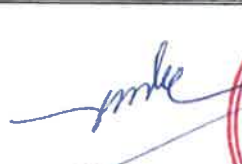
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>1.712.126.433.157</b>	<b>2.735.990.711.823</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>392.073.184.981</b>	<b>1.328.584.847.404</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	49.660.304.162	146.095.934.134
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		240.636.582	240.636.582
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	98.029.126.000	135.586.722.201
314	4. Phải trả người lao động		18.391.466.329	37.294.280.150
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	11.607.062.593	13.281.341.092
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	34.579.738.008	845.540.888.494
320	7. Vay ngắn hạn	18	124.527.483.597	130.389.844.451
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	20	55.037.367.710	20.155.200.300
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>1.320.053.248.176</b>	<b>1.407.405.864.419</b>
338	1. Vay dài hạn	18	1.320.053.248.176	1.407.405.864.419
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>5.090.551.975.177</b>	<b>5.283.139.117.229</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>19</b>	<b>5.090.551.975.177</b>	<b>5.283.139.117.229</b>
411	1. Vốn cổ phần		4.224.000.000.000	4.224.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		4.224.000.000.000	4.224.000.000.000
414	2. Vốn khác của chủ sở hữu		490.153.102.301	475.444.837.801
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		11.267.524.422	25.175.788.921
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		311.084.550.102	500.485.070.048
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		87.441.439.639	51.400.268.411
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		223.643.110.463	449.084.801.637
429	5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		54.046.798.352	58.033.420.459
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>6.802.678.408.334</b>	<b>8.019.129.829.052</b>



Lê Xuân Phong  
Người lập biểu



Phạm Thị Hồng Hà  
Kế toán trưởng



  
Đặng Văn Cường  
Tổng Giám đốc

Lâm Đồng, Việt Nam

Ngày 16 tháng 8 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
01	1. Doanh thu phát điện và cung cấp dịch vụ	21.1	642.636.471.102	1.165.073.474.963
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21.1	-	-
10	3. Doanh thu thuần về phát điện và cung cấp dịch vụ	21.1	642.636.471.102	1.165.073.474.963
11	4. Giá vốn về phát điện và dịch vụ cung cấp	22	(424.729.230.673)	(455.295.515.569)
20	5. Lợi nhuận gộp về phát điện và cung cấp dịch vụ		217.907.240.429	709.777.959.394
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21.2	92.504.455.246	133.911.386.266
22	7. Chi phí tài chính	23	(23.881.026.342)	(30.687.811.251)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(23.605.253.101)	(30.687.811.251)
24	8. Phần lãi trong công ty liên kết	12.1	17.554.760.512	13.959.412.183
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	(38.461.559.853)	(39.336.278.994)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		265.623.869.992	787.624.667.598
31	11. Thu nhập khác		1.283.193.600	4.771.815
32	12. Chi phí khác		(177.048.557)	(43.333.806)
40	13. Lợi nhuận/(lỗ) khác		1.106.145.043	(38.561.991)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		266.730.015.035	787.586.105.607
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26.1	(42.051.815.843)	(143.975.737.589)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (Trình bày lại)
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		224.678.199.192	643.610.368.018
61	17. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		223.643.110.463	639.183.980.305
62	18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		1.035.088.729	4.426.387.713
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	28	529	1.442



Lê Xuân Phong  
Người lập biểu





Phạm Thị Hồng Hà  
Kế toán trưởng

Đặng Văn Cường  
Tổng Giám đốc

Lâm Đồng, Việt Nam

Ngày 16 tháng 8 năm 2024

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	<b>Tổng lợi nhuận trước thuế</b>		<b>266.730.015.035</b>	<b>787.586.105.607</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình		193.213.864.857	188.558.703.701
03	Các khoản dự phòng		212.083.664	-
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(15.024.870.950)	(77.285.920.764)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(83.432.667.616)	(67.535.596.755)
06	Chi phí lãi vay		23.605.253.101	30.687.811.251
08	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>385.303.678.091</b>	<b>862.011.103.040</b>
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu		681.196.178.020	(544.277.158.971)
10	Giảm hàng tồn kho		641.193.159	1.142.528.405
11	Giảm các khoản phải trả		(64.684.432.944)	(76.978.740.338)
12	Giảm chi phí trả trước		4.751.047.688	1.160.331.477
14	Tiền lãi vay đã trả		(25.279.531.600)	(29.973.560.168)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(88.160.255.179)	(124.966.398.435)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(18.543.173.835)	(14.408.540.713)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>875.224.703.400</b>	<b>73.709.564.297</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định (TSCĐ)		(77.638.740.741)	(23.517.808.112)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		799.932.824.894	300.000.000.000
27	Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và đầu tư ngắn hạn		28.264.841.162	90.104.648.302
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>750.558.925.315</b>	<b>366.586.840.190</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc Ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
34	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH Tiền trả nợ gốc vay Cổ tức đã trả cho cổ đông		(53.739.231.459)	(80.771.146.005)
36			(1.174.703.990.374)	(1.439.276.991.500)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(1.228.443.221.833)	(1.520.048.137.505)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		397.340.406.882	(1.079.751.733.018)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		536.186.291.363	1.208.606.920.989
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	933.526.698.245	128.855.187.971



Lê Xuân Phong  
Người lập biểu



Phạm Thị Hồng Hà  
Kế toán trưởng



Đặng Văn Cường  
Tổng Giám đốc

Lâm Đồng, Việt Nam

Ngày 16 tháng 8 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi ("Công ty") là một công ty cổ phần, được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước (Công ty Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi) theo Quyết định số 327/QĐ-EVN ngày 24 tháng 5 năm 2010 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam và chính thức hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần từ ngày 07 tháng 10 năm 2011. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần lần đầu số 5800452036 vào ngày 7 tháng 10 năm 2011 và các lần điều chỉnh sau đó, với lần gần nhất là lần thứ 10 vào ngày 7 tháng 7 năm 2022.

Theo Quyết định số 427/QĐ-SGDHN ngày 12 tháng 6 năm 2017 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Công ty bắt đầu đăng ký giao dịch cổ phiếu trên thị trường giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) với mã cổ phiếu là DNH.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh điện năng và các hoạt động kinh doanh khác theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại 80A Trần Phú, phường Lộc Sơn, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

Số lượng nhân viên của Công ty và công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 là 240 người (ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 246 người).

### **Cơ cấu tổ chức**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty đầu tư vào 1 công ty con (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 1), trong đó:

<u>STT</u>	<u>Công ty</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích của Công ty</u>	<u>Quyền biểu quyết của Công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Hoạt động chính</u>
1	Công ty Cổ phần Thủy điện Hạ Sông Pha	70%	70%	Thôn Lâm Hòa, xã Lâm Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam.	Sản xuất, kinh doanh điện năng

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty có 1 công ty liên kết như được trình bày tại Thuyết minh số 12.1.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

## **2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

### **2.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### **2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là hình thức Nhật ký chung.

### **2.3 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

### **2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

### 2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty mẹ và công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ giữa Công ty và công ty con, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu của công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

### 3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

### 3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho là nguyên vật liệu và công cụ, dụng cụ với giá trị được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.2 Hàng tồn kho (tiếp theo)**

*Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

**3.3 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty và công ty con dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

**3.4 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Chi phí hoàn trả mặt bằng được ghi nhận là một mục thuộc tài sản nhà xưởng, vật kiến trúc và được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền trong tương lai để chi trả cho nghĩa vụ hoàn trả mặt bằng của diện tích đất nhà máy đã thuê tại thời điểm kết thúc thời hạn thuê đất.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.5 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

**3.6 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50 năm
Máy móc thiết bị	8 - 15 năm
Phương tiện vận tải	5 - 15 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Phần mềm máy tính	3 - 10 năm
Tài sản khác	3 năm

**3.7 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và công ty con. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.

**3.8 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

**3.9 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại**

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là 10 năm. Định kỳ công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.10 Các khoản đầu tư

##### *Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết*

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Thông thường, Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ phản ánh phần sở hữu của Công ty trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được/lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con, sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty trong trường hợp cần thiết.

##### *Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

##### *Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

##### *Dự phòng giảm giá trị cho các khoản đầu tư*

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

#### 3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty và công ty con (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con dự kiến giao dịch;
- ▶ Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty và công ty con mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

#### 3.13 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

##### *Quỹ khen thưởng và phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

##### *Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư mua sắm TSCĐ của Công ty và công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty và công ty con có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

##### *Doanh thu bán điện*

Doanh thu bán điện được ghi nhận dựa trên đối chiếu và xác nhận sản lượng đầu ra hàng tháng giữa bên mua và bên bán, với giá được xác định trên thị trường phát điện cạnh tranh và giá hợp đồng được quy định trong hợp đồng mua bán điện.

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo khối lượng công việc đã được khách hàng xác nhận.

##### *Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

#### 3.15 Thuế

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty và công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty và công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.15 Thuế (tiếp theo)

##### *Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.15 Thuế (tiếp theo)

##### *Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Công ty và công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty và công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

#### 3.16 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

#### 3.17 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty và công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và công ty con cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

#### 4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
Tiền mặt	437.512.932	238.629.332
Tiền gửi ngân hàng	13.089.185.313	7.097.730.531
Các khoản tương đương tiền (*)	920.000.000.000	528.849.931.500
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>933.526.698.245</b>	<b>536.186.291.363</b>

(\*) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc từ 1 tuần đến 1 tháng với lãi suất từ 0,2%/năm đến 1,6%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: kỳ hạn từ 1 tuần đến 2 tháng với lãi suất từ 0,2%/năm đến 3,7%/năm). Khoản tiền gửi của Công ty tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam được thế chấp cho khoản vay dài hạn của Công ty như được trình bày tại Thuyết minh số 18.1.

#### 5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đầu tư tài chính ngắn hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn còn lại là 6 tháng với lãi suất 4,7%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 4,7%/năm). Khoản tiền gửi của Công ty tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam được thế chấp cho khoản vay dài hạn của Công ty như được trình bày tại Thuyết minh số 18.1.

#### 6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 27)	581.669.532.151	1.177.431.579.895
Phải thu từ các bên khác	4.276.826.958	3.549.320.292
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>585.946.359.109</b>	<b>1.180.980.900.187</b>
Dự phòng phải thu khó đòi	(2.232.297.359)	(2.020.213.695)

#### 7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
Lãi dự thu tiền gửi, cho vay	2.821.534.246	37.916.738.857
Cổ tức được chia	12.351.161.441	5.403.149.555
Khác	461.757.206	1.281.429.052
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>15.634.452.893</b>	<b>44.601.317.464</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 27)</i>	<i>12.351.161.441</i>	<i>42.623.582.658</i>
<i>Phải thu từ các bên khác</i>	<i>3.283.291.452</i>	<i>1.977.734.806</i>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**8. NỢ XẤU**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị có thể thu hồi</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị có thể thu hồi</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Điện Hội Xuân VNECO	1.543.893.615	240.636.582	1.543.893.615	240.636.582
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Lắp máy IDICO	-	-	440.943.600	440.943.600
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Damb'ri	465.050.000	-	465.050.000	139.515.000
Công ty Cổ phần Đầu tư HDP Tân Lộc	662.843.322	198.852.996	662.843.322	271.421.660
	<b>2.671.786.937</b>	<b>439.489.578</b>	<b>3.112.730.537</b>	<b>1.092.516.842</b>

**9. HÀNG TỒN KHO**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
<b>Ngắn hạn</b>				
Vật tư và công cụ, dụng cụ	15.282.727.597	-	37.148.762.358	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	370.908.794	-	342.663.290	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>15.653.636.391</b>	<b>-</b>	<b>37.491.425.648</b>	<b>-</b>
<b>Dài hạn</b>				
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	78.152.463.191	-	56.955.867.093	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>78.152.463.191</b>	<b>-</b>	<b>56.955.867.093</b>	<b>-</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	9.318.754.232.537	5.925.316.334.686	79.348.569.020	57.783.505.083	217.380.507	15.381.420.021.833
Mua trong kỳ	-	94.500.000.000	-	132.835.000	-	94.632.835.000
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	9.318.754.232.537	6.019.816.334.686	79.348.569.020	57.916.340.083	217.380.507	15.476.052.856.833
<i>Trong đó:</i>						
<i>Đã khấu hao hết</i>	1.396.933.426.336	2.368.587.491.110	40.338.337.673	51.084.372.864	217.380.507	3.857.161.008.490
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	5.517.832.200.871	4.816.582.669.083	61.945.070.199	52.022.245.875	217.380.507	10.448.599.566.535
Khấu hao trong kỳ	102.781.828.254	87.087.758.954	1.974.050.069	1.071.881.098	-	192.915.518.375
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	5.620.614.029.125	4.903.670.428.037	63.919.120.268	53.094.126.973	217.380.507	10.641.515.084.910
<b>Giá trị còn lại:</b>						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	3.800.922.031.666	1.108.733.665.603	17.403.498.821	5.761.259.208	-	4.932.820.455.298
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	3.698.140.203.412	1.116.145.906.649	15.429.448.752	4.822.213.110	-	4.834.537.771.923

Một số tài sản cố định hữu hình đã được thế chấp cho các khoản vay của Công ty và công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 18.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
Mua sắm tài sản cố định	5.643.996.273	99.943.996.273
Công trình sửa chữa lớn tài sản cố định	9.362.876.992	250.690.909
Các công trình khác	2.077.163.517	401.811.373
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>17.084.036.782</b>	<b>100.596.498.555</b>

**12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh số 12.1)	146.327.710.589	-	143.771.850.077	-
Đầu tư vào đơn vị khác (Thuyết minh số 12.2)	37.360.000.000	-	37.360.000.000	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (Thuyết minh số 12.3)	30.000.000.000	-	30.000.000.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>213.687.710.589</b>	<b>-</b>	<b>211.131.850.077</b>	<b>-</b>

**12.1 Đầu tư vào công ty liên kết**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có một công ty liên kết, như sau:

<i>Công ty</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Hoạt động chính</i>	<i>Tỷ lệ vốn nắm giữ</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình ("Công ty Thuận Bình")	Thôn Lạc Trị, xã Phú Lạc, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh điện năng	20%	20%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)**

**12.1 Đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)**

Chi tiết giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết này trong kỳ hiện tại như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>
	<i>Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình</i>
<b>Giá trị đầu tư:</b>	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	<u>100.079.200.000</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	<u>100.079.200.000</u>
<b>Phần lũy kế lợi nhuận sau khi mua công ty liên kết:</b>	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	43.692.650.077
Phần lợi nhuận từ công ty liên kết	17.554.760.512
Cổ tức được chia trong kỳ	<u>(14.998.900.000)</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	<u>46.248.510.589</u>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	<u>143.771.850.077</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	<u>146.327.710.589</u>

Vào ngày 25 tháng 12 năm 2023, Thanh tra Chính phủ đã ban hành Thông báo kết luận thanh tra về việc chấp hành chính sách, pháp luật trong quản lý, thực hiện quy hoạch và đầu tư xây dựng các công trình điện theo Quy hoạch điện VII và Quy hoạch điện VII điều chỉnh ("Thông báo"), trong đó có nêu một số vi phạm của dự án Nhà máy Điện Gió Phú Lạc – Giai đoạn 2 ("Dự án"). Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Công ty Thuận Bình vẫn chưa nhận được văn bản chính thức nào từ các cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các nội dung có liên quan tới Thông báo nêu trên. Ban Tổng Giám đốc của Công ty Thuận Bình đánh giá ảnh hưởng của Thông báo này đến tình hình hoạt động và tài chính của Công ty Thuận Bình là không trọng yếu và sẽ tiếp tục thực hiện các nội dung của Thông báo này với các bên liên quan khi có hướng dẫn từ các cơ quan chức năng.

**12.2 Đầu tư vào đơn vị khác**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<u>Ngày 30 tháng 6 năm 2024</u>		<u>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</u>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị hợp lý</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị hợp lý</i>
Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương	24.560.000.000	139.009.600.000	24.560.000.000	149.328.095.100
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ	12.800.000.000	72.448.000.000	12.800.000.000	73.984.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u>37.360.000.000</u>	<u>211.457.600.000</u>	<u>37.360.000.000</u>	<u>223.312.095.100</u>

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này được xác định theo giá đóng cửa tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023 của cổ phiếu của các công ty này trên sàn UPCOM.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)**

**12.3 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc 2 năm có thời gian còn lại trên 12 tháng với lãi suất 4,9%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 4,9%/năm).

**13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
<b>Ngắn hạn</b>		
Chi phí mua bảo hiểm	4.543.626.834	606.363.869
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4.543.626.834</b>	<b>606.363.869</b>
<b>Dài hạn</b>		
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	24.690.482.209	30.162.646.165
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	4.722.293.321	6.042.849.829
Khác	1.268.559.493	3.164.149.682
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>30.681.335.023</b>	<b>39.369.645.676</b>

**14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Đơn vị tính: VND			
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024		Ngày 31 tháng 12 năm 2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả nhà cung cấp	44.820.342.156	44.820.342.156	140.289.118.056	140.289.118.056
- Công ty Cổ phần Xây dựng 47	15.792.020.817	15.792.020.817	15.904.458.596	15.904.458.596
- Nippon Koei Ltd	10.622.072.860	10.622.072.860	11.472.821.122	11.472.821.122
- Công ty Cổ phần Máy tính Truyền thông Điều khiển 3C	-	-	72.744.633.600	72.744.633.600
- Công ty Cổ phần Telematic	-	-	12.755.446.400	12.755.446.400
- Khác	18.406.248.479	18.406.248.479	27.411.758.338	27.411.758.338
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 27)	4.839.962.006	4.839.962.006	5.806.816.078	5.806.816.078
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>49.660.304.162</b>	<b>49.660.304.162</b>	<b>146.095.934.134</b>	<b>146.095.934.134</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>	<i>Số phải nộp trong kỳ</i>	<i>Số đã nộp trong kỳ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>
Thuế giá trị gia tăng	924.278.523	42.277.397.577	(29.234.441.796)	13.967.234.304
Thuế thu nhập doanh nghiệp	84.076.685.896	42.051.815.843	(88.160.255.179)	37.968.246.560
Thuế thu nhập cá nhân	1.009.235.975	11.595.851.256	(12.529.832.606)	75.254.625
Thuế tài nguyên	21.459.066.723	109.625.526.591	(106.767.598.747)	24.316.994.567
Phí dịch vụ môi trường rừng	28.117.455.084	57.624.621.872	(64.040.681.012)	21.701.395.944
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>135.586.722.201</b>	<b>263.175.213.139</b>	<b>(300.732.809.340)</b>	<b>98.029.126.000</b>

**16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
Lãi vay phải trả	11.607.062.593	13.281.341.092
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>11.607.062.593</b>	<b>13.281.341.092</b>

**17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	33.936.009.626	844.800.000.000
Khác	643.728.382	740.888.494
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>34.579.738.008</b>	<b>845.540.888.494</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả khác</i>	977.333.382	1.332.248.494
<i>Phải trả cho bên liên quan (Thuyết minh số 27)</i>	33.602.404.626	844.208.640.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. VAY

Đơn vị tính: VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023		Phát sinh trong kỳ			Ngày 30 tháng 6 năm 2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Chênh lệch tỷ giá	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn							
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 18.1)	130.389.844.451	130.389.844.451	49.763.741.799	(53.739.231.459)	(1.886.871.194)	124.527.483.597	124.527.483.597
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>130.389.844.451</b>	<b>130.389.844.451</b>	<b>49.763.741.799</b>	<b>(53.739.231.459)</b>	<b>(1.886.871.194)</b>	<b>124.527.483.597</b>	<b>124.527.483.597</b>
Vay dài hạn							
Vay dài hạn (Thuyết minh số 18.1)	1.407.405.864.419	1.407.405.864.419	-	(49.763.741.799)	(37.588.874.444)	1.320.053.248.176	1.320.053.248.176
	1.407.405.864.419	1.407.405.864.419	-	(49.763.741.799)	(37.588.874.444)	1.320.053.248.176	1.320.053.248.176
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.537.795.708.870</b>	<b>1.537.795.708.870</b>	<b>49.763.741.799</b>	<b>(103.502.973.258)</b>	<b>(39.475.745.638)</b>	<b>1.444.580.731.773</b>	<b>1.444.580.731.773</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. VAY (tiếp theo)

18.1 Các khoản vay dài hạn

Đối tượng	Ngày 30 tháng 6 năm 2024		Lãi suất (%/năm)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Hình thức đảm bảo
	VND	Nguyên tệ			
Công ty Cổ phần Tài chính Điện lực	735.545.379.862	JPY 4.451.106.686	1,11% - 1,6%	Đáo hạn lần cuối vào ngày 20 tháng 7 năm 2039. Trả gốc từng phần và lãi theo định kỳ 6 tháng/lần.	Tài sản hình thành từ vốn vay của Dự án mở rộng Nhà máy Thủy điện Đa Nhim và tài sản hiện hữu của Nhà máy Thủy điện Đa Nhim.  Khoản vay được bảo lãnh trả nợ vay bởi Tổng Công ty Phát điện 1 - Công ty mẹ của Công ty.
Ngân hàng Phát triển Châu Á	504.911.251.747	USD 19.821.429	Lãi suất tham chiếu được quy định trong hợp đồng đối với phần cố định là 2,5%/năm, đối với phần thả nổi là chi phí hoá đổi lãi suất cố định cộng biên từ 2,5%. Lãi suất áp dụng trong kỳ là từ 2,5% - 5,4%.	Đáo hạn lần cuối vào ngày 15 tháng 9 năm 2034. Trả gốc từng phần và lãi theo định kỳ 6 tháng/lần.	Các khoản tiền của Công ty tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam như trình bày ở thuyết minh số 4 và số 5.  Tài sản cố định là các tấm pin mặt trời, máy biến tần và trạm biến áp của Dự án Nhà máy điện mặt trời Đa Mi của Công ty.
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	204.124.100.164		Lãi suất được tính bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng cộng biên độ 2,5%. Lãi suất áp dụng trong kỳ là 6,7%	Đáo hạn lần cuối vào ngày 23 tháng 4 năm 2034. Trả gốc từng phần và lãi theo định kỳ 6 tháng/lần.	Tài sản hình thành từ vốn vay của Nhà máy Thủy điện Hạ Sông Pha 1 và 2 của Công ty.
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.444.580.731.773</b>				
Trong đó:					
- Vay dài hạn đến hạn trả	124.527.483.597				
- Vay dài hạn	1.320.053.248.176				



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**19.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

*Đơn vị tính: VND*

	Vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
<b>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</b>						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	4.224.000.000.000	463.090.827.367	56.529.799.355	1.692.019.990.664	57.237.423.869	6.492.878.041.255
- Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	639.183.980.305	4.426.387.713	643.610.368.018
- Cổ tức đã công bố (*)	-	-	-	(1.436.160.000.000)	(4.800.000.000)	(1.440.960.000.000)
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(52.015.662.800)	(408.541.200)	(52.424.204.000)
- Trích quỹ thưởng BQL Công ty	-	-	-	(732.756.000)	(20.250.000)	(753.006.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	<u>4.224.000.000.000</u>	<u>463.090.827.367</u>	<u>56.529.799.355</u>	<u>842.295.552.169</u>	<u>56.435.020.382</u>	<u>5.642.351.199.273</u>
<b>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</b>						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	4.224.000.000.000	475.444.837.801	25.175.788.922	500.485.070.048	58.033.420.459	5.283.139.117.230
- Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	223.643.110.463	1.035.088.729	224.678.199.192
- Cổ tức đã công bố (*)	-	-	-	(359.040.000.000)	(4.800.000.000)	(363.840.000.000)
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	-	-	(53.203.630.409)	(221.710.836)	(53.425.341.245)
- Trích quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-	800.000.000	(800.000.000)	-	-
- Chuyển nguồn hình thành TSCĐ	-	14.708.264.500	(14.708.264.500)	-	-	-
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	<u>4.224.000.000.000</u>	<u>490.153.102.301</u>	<u>11.267.524.422</u>	<u>311.084.550.102</u>	<u>54.046.798.352</u>	<u>5.090.551.975.177</u>

(\*) Theo các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty và công ty con, Công ty và công ty con đã công bố chia cổ tức bằng tiền cho các cổ đông, trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi và quỹ đầu tư phát triển từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2023;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**19.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

*Đơn vị tính: VND*

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024			Ngày 31 tháng 12 năm 2023		
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi
Tổng Công ty Phát điện 1	4.221.031.000.000	4.221.031.000.000	-	4.221.031.000.000	4.221.031.000.000	-
Các cổ đông khác	2.969.000.000	2.969.000.000	-	2.969.000.000	2.969.000.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4.224.000.000.000</b>	<b>4.224.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>4.224.000.000.000</b>	<b>4.224.000.000.000</b>	<b>-</b>

**19.3 Cổ tức**

*Đơn vị tính: VND*

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
<b>Cổ tức đã công bố trong kỳ</b>	<b>359.040.000.000</b>	<b>1.436.160.000.000</b>
Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông		
Cổ tức cho năm 2023: 850 VND/cổ phiếu	359.040.000.000	-
Cổ tức cho năm 2022: 3.400 VND/cổ phiếu	-	1.436.160.000.000

**19.4 Cổ phiếu**

	Số lượng	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
<b>Cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	<b>422.400.000</b>	<b>422.400.000</b>
<b>Cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	<b>422.400.000</b>	<b>422.400.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	422.400.000	422.400.000
<b>Cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>422.400.000</b>	<b>422.400.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	422.400.000	422.400.000

Mệnh giá cổ phiếu lưu hành trong kỳ là 10.000 VND/cổ phiếu (năm 2023: 10.000 VND/cổ phiếu).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**20. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Số đầu kỳ	20.155.200.300	15.797.059.337
Trích lập thêm trong kỳ	53.425.341.245	53.177.210.000
Sử dụng trong kỳ	(18.543.173.835)	(14.408.540.713)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>55.037.367.710</b>	<b>54.565.728.624</b>

**21. DOANH THU**

**21.1 Doanh thu phát điện và cung cấp dịch vụ**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>642.636.471.102</b>	<b>1.165.073.474.963</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu phát điện</i>	641.271.306.243	1.164.057.564.163
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	1.365.164.859	1.015.910.800
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>642.636.471.102</b>	<b>1.165.073.474.963</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu với các bên khác</i>	1.365.164.859	1.015.910.800
<i>Doanh thu với các bên liên quan (Thuyết minh số 27)</i>	641.271.306.243	1.164.057.564.163

**21.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	31.711.845.663	49.077.115.572
Cổ tức, lợi nhuận được chia	19.167.161.441	4.499.069.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	41.625.448.142	80.335.201.694
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>92.504.455.246</b>	<b>133.911.386.266</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**22. GIÁ VỐN VỀ PHÁT ĐIỆN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Giá vốn về phát điện	423.705.120.807	454.403.008.569
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.024.109.866	892.507.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>424.729.230.673</u></b>	<b><u>455.295.515.569</u></b>

**23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Lãi tiền vay	23.605.253.101	30.687.811.251
Khác	275.773.241	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>23.881.026.342</u></b>	<b><u>30.687.811.251</u></b>

**24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Chi phí nhân công	20.076.978.700	23.303.908.456
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	1.426.358.812	773.050.740
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.259.445.174	4.263.704.436
Chi phí khác	12.698.777.167	10.995.615.362
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>38.461.559.853</u></b>	<b><u>39.336.278.994</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Chi phí nhân công	58.974.691.515	60.296.606.252
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	193.213.864.857	188.558.703.701
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.139.108.872	20.232.805.756
Chi phí khác bằng tiền	195.891.370.786	226.397.879.658
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>463.219.036.030</b>	<b>495.485.995.367</b>

**26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Công ty và công ty con có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") với thuế suất hiện hành là 20%.

Công ty và công ty con được hưởng ưu đãi thuế cho hoạt động kinh doanh sản xuất điện năng tại hai dự án, cụ thể như sau:

- Dự án mở rộng Nhà máy Thủy điện Đa Nhim: miễn thuế 4 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập tính thuế đối với hoạt động sản xuất kinh doanh điện năng (năm 2019 đến năm 2022) và giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo (năm 2023 đến năm 2031). Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của dự án này trong kỳ là 10%.
- Dự án Điện mặt trời Đa Mi: hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong vòng 15 năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động (năm 2019 đến năm 2033), miễn thuế 4 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập tính thuế đối với hoạt động sản xuất kinh doanh điện năng (năm 2019 đến năm 2022) và giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo (năm 2023 đến năm 2031). Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của dự án này trong kỳ là 5%.
- Dự án Thủy điện Hạ Sông Pha: miễn thuế 4 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập tính thuế đối với hoạt động sản xuất kinh doanh điện năng và giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo. Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của dự án này trong kỳ là 5%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**26.1 Chi phí thuế TNDN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	42.051.815.843	143.975.737.589
	<b><u>42.051.815.843</u></b>	<b><u>143.975.737.589</u></b>

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Lợi nhuận thuần trước thuế	266.730.015.035	787.586.105.607
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	53.346.003.007	157.517.221.121
<i>Các khoản điều chỉnh (giảm)/tăng:</i>		
Ưu đãi thuế TNDN	(4.071.507.946)	(10.155.348.711)
Cổ tức được nhận trong năm	(3.833.432.288)	(3.139.813.800)
Chi phí không được khấu trừ	121.705.173	196.138.137
Thuế TNDN bổ sung năm 2021 – 2022	-	109.363.279
Lãi được chia từ công ty liên kết	(3.510.952.103)	(551.822.437)
<b>Thuế TNDN ước tính trong kỳ</b>	<b><u>42.051.815.843</u></b>	<b><u>143.975.737.589</u></b>

**26.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty và công ty con được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Công ty và công ty con và các bên liên quan có giao dịch với Công ty và công ty con trong kỳ như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Công ty mẹ tối cao
Tổng Công ty Phát điện 1	Công ty mẹ
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Thủy điện Đại Ninh	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Thủy điện Đồng Nai	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình	Công ty liên kết
Bà Phạm Thị Hồng Hà	Kế toán trưởng

Thông tin chi tiết về các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc được trình bày tại mục Thông tin chung.

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
			<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Tổng Công ty Phát điện 1	Công ty mẹ	Chi trả cổ tức	1.169.391.430.374	1.435.150.540.000
		Chia cổ tức	358.787.635.000	1.435.150.540.000
		Thu tiền cho vay	799.932.824.894	-
		Lãi cho vay	28.539.825.564	35.163.713.761
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn	Doanh thu về phát điện	607.611.718.100	1.116.063.274.466
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	33.659.588.143	47.994.289.697
Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương	Công ty trong cùng Tập đoàn	Cổ tức được chia	12.351.161.441	2.579.069.000
		Cổ tức đã nhận	5.403.149.555	2.579.069.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ	Công ty trong cùng Tập đoàn	Cổ tức được chia	6.816.000.000	1.920.000.000
		Cổ tức đã nhận	6.816.000.000	640.000.000
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Công ty mẹ tối cao	Mua dịch vụ	-	1.937.111.634

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với các bên liên quan được thực hiện theo mức giá và các điều khoản niêm yết thông thường trên thị trường.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2024 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty trích lập một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi với số tiền 0 VND liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty (Ngày 31 tháng 12 năm 2023: 0 VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

			<i>Đơn vị tính: VND</i>	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
<b>Phải thu khách hàng ngắn hạn (Thuyết minh số 6)</b>				
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn	Bán điện	573.153.832.161	1.167.567.968.808
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn	Bán điện	8.515.699.990	9.863.611.087
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>581.669.532.151</b>	<b>1.177.431.579.895</b>
<b>Phải thu về cho vay (Chỉ tiêu số 135 và 215)</b>				
Tổng Công ty Phát điện 1 (*)	Công ty mẹ	Phải thu cho vay ngắn hạn	-	200.000.000.000
		Phải thu cho vay dài hạn	-	599.932.824.894
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>-</b>	<b>799.932.824.894</b>
<b>Phải thu khác ngắn hạn (Thuyết minh số 7)</b>				
Tổng Công ty Phát điện 1	Công ty mẹ	Phải thu lãi cho vay	-	37.220.433.103
Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương	Công ty trong cùng Tập đoàn	Cổ tức được chia	12.351.161.441	5.403.149.555
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>12.351.161.441</b>	<b>42.623.582.658</b>
<b>Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 14)</b>				
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3	Công ty trong cùng Tập đoàn	Mua dịch vụ	4.745.613.171	4.745.613.171
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2	Công ty trong cùng Tập đoàn	Mua dịch vụ	94.348.835	1.061.202.907
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>4.839.962.006</b>	<b>5.806.816.078</b>

(\*) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty đã thu hồi toàn bộ số dư phải thu cho vay và lãi phải thu từ Tổng Công ty Phát điện 1.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

		<i>Đơn vị tính: VND</i>		
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
<b><i>Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 17)</i></b>				
Tổng Công ty Phát điện 1	Công ty mẹ	Phải trả cổ tức	33.602.404.626	844.208.640.000
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>33.602.404.626</b>	<b>844.208.640.000</b>

***Giao dịch với các bên liên quan khác***

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị ("HĐQT"), Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát:

		<i>Đơn vị tính: VND</i>	
		<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Ông Lê Văn Quang	Chủ tịch HĐQT	522.265.150	444.483.016
Ông Đặng Văn Cường	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	503.313.576	427.971.944
Ông Đỗ Minh Lộc	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	452.410.038	378.778.018
Ông Nguyễn Đình Chiến	Phó Tổng Giám đốc	627.238.635	302.935.500
Bà Đinh Hải Ninh	Trưởng ban kiểm soát	79.742.000	29.832.365
Ông Nguyễn Đăng Dung	Trưởng ban kiểm soát (Miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2023)	-	79.269.702
Ông Phạm Viết Kỳ	Thành viên ban kiểm soát chuyên trách	574.606.685	189.186.149
Ông Đặng Văn Minh	Thành viên ban kiểm soát	76.419.500	189.186.149
		<b>2.835.995.584</b>	<b>2.041.642.843</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**28. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (Trình bày lại)</i>
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	223.643.110.463	639.183.980.305
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(30.277.520.176)
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>223.643.110.463</b>	<b>608.906.460.129</b>
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	422.400.000	422.400.000
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	422.400.000	422.400.000
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>		
- <i>Lãi cơ bản</i>	529	1.442

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính giữa niên độ.

(\*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho giai đoạn tài chính sáu tháng đầu năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 chưa được điều chỉnh phần trích quỹ khen thưởng, phúc lợi do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông để trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế năm nay.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trước đây trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn này để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm 2023 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 617/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2024.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**29. CÁC CAM KẾT**

***Các cam kết thuê hoạt động***

Công ty và công ty con đã ký kết một số hợp đồng thuê đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, cam kết về các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
Dưới 1 năm	3.182.557.760	3.182.557.760
Từ 1 đến 5 năm	12.730.231.043	12.730.231.043
Trên 5 năm	65.925.310.997	67.516.589.877
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>81.838.099.800</b>	<b>83.429.378.680</b>

**30. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán hợp nhất giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con.

 _____ Lê Xuân Phong Người lập biểu	 _____ Phạm Thị Hồng Hà Kế toán trưởng	 _____ Đặng Văn Cường Tổng Giám đốc
---	--	--



Lâm Đồng, Việt Nam

Ngày 16 tháng 8 năm 2024